

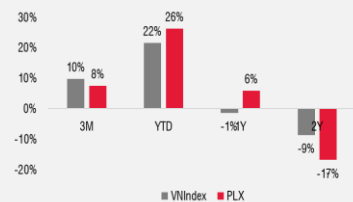
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, PLX: HOSE)

Ngày báo cáo: 15/09/2023
NGÀNH: DẦU KHÍ
PGĐ PTC: Đào Minh Châu, CFA
Email: chaudm@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3636 3688 ext. 3052

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **45.000 Đồng**
Giá CP ngày 14/09/2023: 40.000 Đồng
% Tăng giá: **+12,5%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 2.109
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 50.824
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 1.271
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 1.376.039
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 41,8/24,65
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 54,9
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 17,07
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 75,87

Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Được thành lập vào năm 1956, Petrolimex là nhà nhập khẩu và phân phối xăng dầu lớn nhất và lâu đời nhất tại Việt Nam với khoảng 50% thị phần. Công ty đã IPO vào năm 2012 với vốn điều lệ là 10.700 tỷ đồng. Kể từ đó, PLX đã bán khoảng 169 triệu cổ phiếu (~13,8% cổ phần) cho đối tác chiến lược là Tập đoàn ENEOS – công ty bán lẻ xăng dầu lớn nhất Nhật Bản với khoảng 50% thị phần.

Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng tốt trong nửa cuối năm

Chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu PLX từ TRUNG LẬP lên **KHẢ QUAN**, với giá mục tiêu 1 năm là **45.000 đồng/cp**. Chúng tôi ước tính lợi nhuận bất thường từ PGB cùng với tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi sẽ là yếu tố hỗ trợ giá trong ngắn hạn. Trong dài hạn, việc phát triển các dịch vụ gia tăng và thoái vốn khỏi mảng hoạt động kinh doanh không cốt lõi sẽ là những yếu tố hỗ trợ giá cổ phiếu.

Trong Q2/2023, PLX đạt 1,03 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt xa mức lỗ 270 tỷ đồng trong Q2/2022. Mảng dầu khí tiếp tục là động lực phục hồi, với LNTT tăng lên 450 tỷ đồng từ mức lỗ 667 tỷ đồng trong Q2/2022 và 402 tỷ đồng trong Q1/2023. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu duy trì ở mức 2,63 triệu tấn, tăng 1,8% svck và 2,3% so với quý trước - nhờ kênh bán lẻ với 1,78 triệu tấn (tăng 12% svck). PLX đã đưa vào hoạt động 40 trạm mới từ đầu năm đến nay, công ty đặt mục tiêu đạt 80 trạm mới trong năm 2023 (tương đương khoảng 3% số lượng trạm COCO tại thời điểm đầu năm nay). Biên lợi nhuận kênh COCO cao hơn nhiều so với kênh DODO. Lợi nhuận từ nhiên liệu bay tăng 61% đạt 94 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, LNTT đạt 132 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ do sự phục hồi của ngành hàng không.

Chúng tôi giữ nguyên dự báo doanh thu năm 2023 của PLX là 282 nghìn tỷ đồng (giảm 7% svck) và điều chỉnh tăng dự báo LNTT năm 2023 từ 4,47 nghìn tỷ (tăng 98% svck) lên 4,84 nghìn tỷ đồng (tăng 114% svck). Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận của hoạt động kinh doanh cốt lõi của PLX sẽ được cải thiện trong nửa cuối năm nhờ kiểm soát tốt hàng tồn kho và chi phí. Trong năm 2024, chúng tôi dự báo LNTT tổng thể có thể giảm 6,9% svck so với mức cao nhất năm 2023 do lợi nhuận từ việc thoái vốn PGB giảm, nhưng sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong năm 2024 sẽ đạt mức tăng trưởng tự nhiên là 4% svck.

	2019A	2020A	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	189.604	123.919	169.009	304.080	281.753	292.261
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	4.677	1.253	3.124	1.913	4.016	3.770
Tăng trưởng LN ròng (%)	13%	-73%	149%	-39%	110%	-6%
EPS (VND)	3.213	764	2.194	1.144	2.698	2.504
ROE (%)	19%	5%	12%	7%	14%	12%
Ng/VCSH (%)	59%	66%	54%	53%	46%	11%
Tỷ suất cổ tức (%)	5%	2%	2%	3%	4%	4%
P/E (x)	17	71	25	28	14	16
P/B (x)	3,15	3,34	2,78	1,67	1,95	1,86

Nguồn: PLX, SSI Research

KQKD Q2/2023

(tỷ đồng)	2Q23	2Q22	YoY	1Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							2Q23	2Q22	1Q23	2Q22
Doanh thu thuần	65.752	84.983	-22,6%	67.432	-2,5%	127%				
Lợi nhuận gộp	3.839	2.456	56,3%	3.559	7,9%		5,8%	2,9%	5,3%	4,1%
Lợi nhuận từ HĐKD	922	-320	-387,8%	832	10,8%		1,4%	-0,4%	1,2%	0,6%
EBIT	1.260	-100	-1359,7%	1.071	17,6%		1,9%	-0,1%	1,6%	1,0%
EBITDA	1.788	467	282,5%	1.601	11,6%		2,7%	0,5%	2,4%	1,7%
LNTT	1.030	-270	-481,4%	838	22,8%		1,6%	-0,3%	1,2%	0,7%
Lợi nhuận ròng	850	-134	-734,6%	667	27,4%		1,3%	-0,2%	1,0%	0,6%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	774	-27	-2961,1%	620	24,8%		1,2%	0,0%	0,9%	0,5%

Nguồn: PLX, SSI Research

Cơ cấu LNTT	2Q22	2Q23	svck
Xăng dầu	-667	450	167%
Nhiên liệu bay	59	94	61%
Hóa dầu	163	158	4%
LPG	40	38	-6%
Vận tải	21	96	359%
Khác	116	193	67%
Tổng cộng	-270	1,030	470%

Nguồn: PLX

Trong Q2/2023, PLX đạt 1,03 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt xa mức lỗ 270 tỷ đồng trong Q2/2022. Mảng dầu khí tiếp tục là động lực phục hồi, với LNTT tăng lên 450 tỷ đồng từ mức lỗ 667 tỷ đồng trong Q2/2022 và 402 tỷ đồng trong Q1/2023. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu duy trì ở mức 2,63 triệu tấn, tăng 1,8% svck và 2,3% so với quý trước - nhờ kênh bán lẻ với 1,78 triệu tấn (tăng 12% svck). PLX đã đưa vào hoạt động 40 trạm mới từ đầu năm đến nay, trong tổng số mục tiêu 80 trạm mới trong năm 2023 (tương đương khoảng 3% số lượng trạm COCO tại thời điểm đầu năm).

Biên lợi nhuận kênh COCO cao hơn nhiều so với kênh DODO. Kênh COCO chiếm khoảng 60% doanh thu và 80% lợi nhuận của mảng xăng dầu. PLX có hệ thống phân phối lớn nhất cả nước với 5.500 trạm xăng dầu (chiếm khoảng 33% số trạm xăng của cả nước) hoạt động ở cả kênh COCO và DODO.

Nhiên liệu bay: Lợi nhuận từ nhiên liệu bay tăng 61% đạt 94 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, LNTT đạt 132 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ do sự phục hồi của ngành hàng không. Trong nửa đầu năm 2023, số lượng hành khách hàng không đạt khoảng 35 triệu khách, phục hồi đáng kể +50% svck.

Lợi nhuận từ mảng **vận tải** cũng tăng 359% svck đạt 96 tỷ đồng do mức nền thấp của năm trước, đây là thời điểm khó khăn của ngành vận tải do nhu cầu yếu và chi phí nhiên liệu cao.

PGB: Lợi nhuận từ PGB đóng góp khoảng 6% lợi nhuận ròng của PLX trong Q2/2023. Theo ban lãnh đạo, thương vụ PGB đã được tất cả các bên liên quan chấp thuận. Do đó, chúng tôi ước tính công ty có thể ghi nhận khoản lợi nhuận khoảng 640 tỷ đồng trong Q3/2023.

Việc bảo dưỡng Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến PLX: PLX thường có nguồn cung khoảng 48% từ nguồn nhập khẩu và 52% từ nguồn trong nước. Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (NSR) đã tạm

dừng hoạt động từ ngày 25/8 để bảo dưỡng định kỳ trong vòng 55 ngày. Tuy nhiên, do NSR đã thông báo trước cho khách hàng từ vài tháng trước nên PLX đã ký hợp đồng với các nhà cung cấp nước ngoài để đảm bảo nguồn cung. Do đó, việc NSR tạm dừng sản xuất sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của công ty.

Đầu tư dịch vụ bổ sung: PLX hợp tác với Vinfast từ giữa năm 2022, lắp đặt hơn 300 trạm sạc tại 40 tỉnh thành. Trong 5 tháng tới, công ty dự kiến sẽ lắp đặt thêm 200 trạm sạc. Tuy nhiên, công ty không kỳ vọng việc này sẽ đóng góp khoản thu nhập đáng kể nào trong ngắn hạn. Trong dài hạn, PLX dự kiến sẽ lắp đặt các trạm tại 50% số trạm COCO của công ty. Mặt khác, PLX cũng dự kiến sẽ triển khai các dịch vụ liên quan đến xe tải tại một hoặc hai trạm thí điểm trong năm 2023 và 10 trạm khác trong năm 2024.

Ước tính lợi nhuận

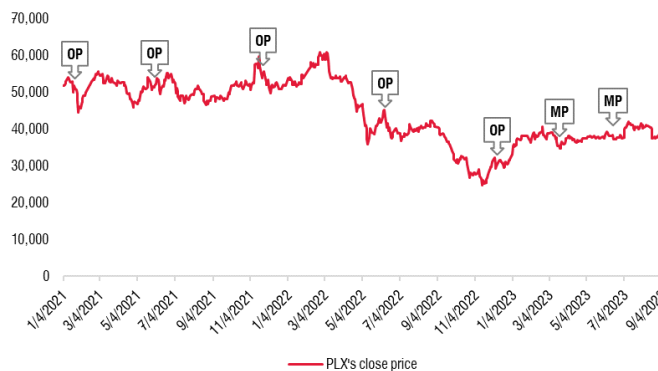
Chúng tôi giữ nguyên dự báo doanh thu năm 2023 của PLX là 282 nghìn tỷ đồng (giảm 7% svck) và điều chỉnh tăng dự báo LNTT năm 2023 từ 4,47 nghìn tỷ (tăng 98% svck) lên 4,84 nghìn tỷ đồng (tăng 114% svck). Chúng tôi giả định sản lượng tiêu thụ xăng dầu đạt 10,86 triệu m³ (tăng 4% svck), trong đó sản lượng bán lẻ có thể tăng 12% svck đạt 7,3 triệu m³. Chúng tôi ước tính biên lợi nhuận của mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi của PLX có thể cải thiện trong nửa cuối năm 2023 nhờ kiểm soát tốt hàng tồn kho và chi phí hoạt động.

Mặc dù sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong năm 2024 có thể đạt mức tăng trưởng tự nhiên là 4% svck, LNTT ước đạt 4,16 nghìn tỷ, giảm 6,9% từ mức nền cao trong năm 2023 do không còn lợi nhuận từ việc thoái vốn PGB. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng công ty vẫn có kế hoạch thoái vốn khỏi PLC trong giai đoạn 2024-2025, tuy nhiên, chúng tôi chưa đưa kế hoạch này vào ước tính.

Luận điểm đầu tư

PLX đang giao dịch với P/E năm 2023 và 2024 lần lượt là 14,4x và 15,5x, thấp hơn P/E trung bình lịch sử trong khoảng 18x-20x. Chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu PLX từ TRUNG LẬP lên **KHẢ QUAN**, với giá mục tiêu 1 năm là **45.000 đồng/cp** dựa trên P/E mục tiêu là 18x và ước tính lợi nhuận năm 2024. Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận bất thường từ thoái vốn PGB cùng với tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi 18% svck trong nửa cuối năm 2023 sẽ là yếu tố hỗ trợ giá trong ngắn hạn. Trong dài hạn, việc phát triển các dịch vụ gia tăng và thoái vốn khỏi mảng hoạt động kinh doanh không cốt lõi sẽ là những yếu tố hỗ trợ giá cổ phiếu.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

Đánh giá rủi ro ESG

Rủi ro		Diễn giải
Quản lý	Chất lượng quản lý	<ul style="list-style-type: none"> Hầu hết thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm lâu năm làm việc tại công ty. Tổng thù lao của các thành viên HĐQT đều được công bố. HĐQT gồm có 8 thành viên, trong đó có 4 thành viên không điều hành và 1 thành viên độc lập. PLX đã lập kế hoạch xác định và quản lý các rủi ro hoạt động chính như rủi ro về biến động giá dầu hay các rủi ro liên quan đến quy định pháp lý, an toàn và rủi ro gian lận thương hiệu. Công ty có bộ phận pháp lý và kiểm soát tuân thủ đảm bảo tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam và đã xây dựng các quy chuẩn nội bộ riêng. PLX có kế hoạch kinh doanh chi tiết cho trung và dài hạn. PLX có lịch sử khá tốt trong việc đạt được kế hoạch lợi nhuận đề ra. Là một doanh nghiệp nhà nước có tỷ lệ sở hữu nhà nước lên tới 77%, PLX có thể ưu tiên việc đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong nước hơn là tính lợi nhuận trong một vài giai đoạn.
	Giao dịch của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Các hoạt động giao dịch với các bên liên quan chiếm tỷ trọng không đáng kể trong doanh thu và giá vốn hàng bán của PLX.
	Công bố thông tin	<ul style="list-style-type: none"> PLX đã tổ chức một số cuộc họp với nhà đầu tư và tích cực trả lời các câu hỏi của nhà đầu tư. Công ty có báo cáo phát triển bền vững riêng về các vấn đề ESG do Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc chỉ đạo.
	Giao dịch nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> Ban lãnh đạo ít giao dịch cổ phiếu và không có ghi nhận về việc thao túng giá cổ phiếu
Đạo đức kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Công ty đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử liên quan đến nội bộ, cổ đông, đối tác, người tiêu dùng và xã hội nhằm đề cao tính liêm chính, đạo đức và tuân thủ. 	
Môi trường	Ô nhiễm môi trường	<ul style="list-style-type: none"> PLX đặt mục tiêu trở thành công ty năng lượng sạch hàng đầu cả nước vào năm 2030 và kỳ vọng đưa 100% năng lượng sạch vào hoạt động trong năm 2045. PLX tiên phong cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường như xăng E5, Ron 95-V, DO V. Việc bán các sản phẩm cao cấp này đã giúp công ty giảm thiểu 170 kton khí thải, bao gồm CO, NOx, hydrocarbon... trong giai đoạn 2017-2022. PLX hợp tác với Vinfast lắp đặt các điểm sạc điện và đang nghiên cứu các dòng sản phẩm LNG, CNG, hydro.
Xã hội	Trách nhiệm xã hội	<ul style="list-style-type: none"> PLX ủng hộ 101 tỷ đồng cho hoạt động an sinh xã hội trong năm 2022. Công ty thực hiện bình đẳng giới trong tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực. Lao động nữ chiếm khoảng 31% nguồn lao động của toàn công ty.
	Nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> Người lao động được hưởng đầy đủ các chính sách phúc lợi cũng như chương trình đào tạo theo từng cấp độ nhân viên/quản lý. Trong năm 2022, thu nhập trung bình của nhân viên là 14,4 triệu đồng/tháng, tăng 26% svck. Công ty đã xây dựng nội quy an toàn lao động nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và ứng phó xử lý tai nạn lao động.
	Quản lý chuỗi cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> PLX mua nguyên liệu đầu vào từ các nhà cung cấp lớn như BSR, NSR, Trafigura, ENEOS, Lukoil và Petrochina, đều là những nhà cung cấp có cam kết bảo vệ môi trường.

Nguồn: SSI Research

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	6.192	11.612	16.128	9.618
+ Đầu tư ngắn hạn	11.832	7.093	7.095	7.095
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	7.600	11.984	11.103	2.937
+ Hàng tồn kho	13.163	17.234	15.824	3.472
+ Tài sản ngắn hạn khác	2.517	1.555	1.438	371
Tổng tài sản ngắn hạn	41.304	49.477	51.587	23.493
+ Các khoản phải thu dài hạn	27	30	33	8
+ GTCL Tài sản cố định	14.779	14.284	13.855	13.338
+ Bất động sản đầu tư	128	121	114	107
+ Tài sản dài hạn dở dang	587	553	553	553
+ Đầu tư dài hạn	5.290	6.528	3.175	3.175
+ Tài sản dài hạn khác	2.677	2.818	2.579	626
Tổng tài sản dài hạn	23.488	24.334	20.309	17.807
Tổng tài sản	64.791	73.811	71.896	41.300
+ Nợ ngắn hạn	35.207	45.010	41.141	9.298
Trong đó: vay ngắn hạn	14.225	14.034	12.836	3.213
+ Nợ dài hạn	1.324	993	838	220
Trong đó: vay dài hạn	1.144	823	753	188
Tổng nợ phải trả	36.531	46.004	41.979	9.518
+ Vốn góp	12.939	12.939	12.939	12.939
+ Thặng dư vốn cổ phần	7.359	7.359	7.359	7.359
+ Lợi nhuận chưa phân phối	3.474	2.970	4.528	5.837
+ Quỹ khác	4.489	4.539	5.092	5.648
Vốn chủ sở hữu	28.260	27.807	29.918	31.782
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	64.791	73.811	71.896	41.300
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-656	4.422	5.939	7.184
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-4.445	3.036	1.753	-1.600
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	686	-2.037	-3.175	-12.094
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-4.415	5.422	4.516	-6.510
Tiền đầu kỳ	10.612	6.192	11.612	16.128
Tiền cuối kỳ	6.192	11.612	16.128	9.618
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,17	1,1	1,25	2,53
Hệ số thanh toán nhanh	0,73	0,68	0,83	2,11
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,51	0,42	0,56	1,8
Nợ ròng / EBITDA	1,1	1,23	0,05	-0,64
Khả năng thanh toán lãi vay	7,29	4,5	8,12	5
Ngày phải thu	15,5	11,1	14	8,2
Ngày phải trả	32,4	25	31,5	17,5
Ngày tồn kho	26,3	19	22,6	12,7
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,44	0,38	0,42	0,41
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,56	0,62	0,58	0,59
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,29	1,65	1,4	1,47
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,54	0,53	0,45	0,47
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,5	0,5	0,43	0,45

Nguồn: PLX, SS lược tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	169.009	304.080	281.753	292.261
Giá vốn hàng bán	-156.386	-291.758	-266.839	-276.655
Lợi nhuận gộp	12.623	12.322	14.914	15.606
Doanh thu hoạt động tài chính	1.000	1.932	2.600	1.185
Chi phí tài chính	-836	-1.690	-1.293	-423
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-9.073	-10.513	-11.270	-11.690
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-766	-824	-845	-877
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.517	1.927	4.557	4.250
Thu nhập khác	272	334	282	292
Lợi nhuận trước thuế	3.789	2.260	4.839	4.543
Lợi nhuận ròng	3.124	1.913	4.016	3.770
Lợi nhuận chia cho cổ đông	2.839	1.480	3.534	3.280
Lợi ích của cổ đông thiểu số	285	432	482	490
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	2.194	1.144	2.698	2.504
Giá trị sổ sách (VND)	19.417	18.985	20.531	21.535
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.200	1.000	1.500	1.500
EBIT	4.392	2.907	5.518	4.713
EBITDA	6.640	5.030	7.554	6.837
Tăng trưởng				
Doanh thu	36,4%	79,9%	-7,3%	3,7%
EBITDA	55,8%	-24,2%	50,2%	-9,5%
EBIT	107,6%	-33,8%	89,8%	-14,6%
Lợi nhuận ròng	149,4%	-38,8%	110,0%	-6,1%
Vốn chủ sở hữu	17,1%	-1,6%	7,6%	6,2%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	6,0%	13,9%	-2,6%	-42,6%
Định giá				
PE	24,6	27,7	14,4	15,5
PB	2,8	1,7	1,9	1,9
Giá/Doanh thu	0,4	0,1	0,2	0,2
Tỷ suất cổ tức	2,2%	3,2%	3,8%	3,8%
EV/EBITDA	10,1	7,4	6,5	7,1
EV/Doanh thu	0,4	0,1	0,2	0,2
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,5%	4,1%	5,3%	5,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	2,0%	0,6%	1,5%	1,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	1,8%	0,6%	1,4%	1,3%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	5,4%	3,5%	4,0%	4,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,5%	0,3%	0,3%	0,3%
ROE	11,9%	6,8%	13,9%	12,2%
ROA	5,0%	2,8%	5,5%	6,7%
ROIC	8,6%	5,7%	10,6%	9,9%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu

tranglh1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Dầu khí

Đào Minh Châu, CFA

Phó Giám đốc Phân tích Cổ phiếu

chaudm@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3052

Dữ liệu

Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043